TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 310/2018/HS-ST
Ngày: 14-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 431/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3636/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hàng Đức N, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1991 tại tỉnh An Giang; Thường trú: Tổ A, ấp B, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang; chỗ ở: đường XV, Phường G, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Hàng Thị Thu T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam ngày 28/9/2017 (Có mặt).

Bị hại:

Ông H, sinh năm 1965, quốc tịch Nhật Bản (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Võ Thành Đ, sinh năm 1981

Thường trú: Ấp L Biển I, xã M, huyện N, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở: xã O, huyện P, tỉnh Long An (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Kiều T1, sinh năm 1988

Thường trú: thị trấn BT, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở: đường XV, Phường A1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Hàng Anh T2, sinh năm 1984

Thường trú: ấp B, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang

Chỗ ở: đường XV, Phường A1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bào chữa:

Ông Q, luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Trường Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hàng Đức N (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông H, sinh năm 1965 (quốc tịch Nhật Bản) là Tổng giám đốc công ty TNHH TOWA SUPPLY (100% vốn đầu tư nước ngoài) có chi nhánh tại Việt Nam, đặt tại xã O, huyện P, tỉnh Long An.

Ngày 18/9/2014, ông H có mở tài khoản số 0197794 cùng thẻ thanh toán quốc tế visa số 4708589000035021 tại Ngân hàng Tokyo Higashi Shinkin Bank, Nhật Bản để thực hiện các giao dịch thanh toán tiền của công ty. Đến ngày 28/11/2016, ông H phát hiện trong khoảng thời gian từ ngày 18/12/2015 đến ngày 26/10/2016, tài khoản thẻ Visa của ông có nhiều khoản giao dịch thanh toán tiền mua hàng tại Việt Nam với tổng số tiền là 842.239.003 đồng và 171,84 USD không phải do ông thực hiện, nên ngày 29/6/2017, ông H đến Công an tỉnh Long An gửi tố giác sự việc.

Qua điều tra ban đầu tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Long An và kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

Công ty TNHH Một Thành Viên Nhà hàng SORA (tên giao dịch: SORA.LDT), địa chỉ: đường SNA, phường BT, Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh, được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép kinh doanh số: 0311814185 vào ngày 31/5/2012 và hoạt động từ ngày 01/6/2012 do ông V1 làm giám đốc, kinh doanh về lĩnh vực Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động. Nhà hàng Sora có liên kết với Phòng giao dịch số 4, Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: đường LT, phường BN, Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh, mở tài khoản số: 0071000704336 để phục vụ khách hàng bằng hình thức thanh toán thẻ tín dụng qua máy POS đặt ở quầy thu ngân của nhà hàng.

Đầu năm 2015, Nguyễn Hàng Đức N được tiếp nhận làm nhân viên thử việc, phục vụ tại Nhà hàng SORA. Công việc chính của N là trực phòng, phục vụ các yêu cầu của khách hàng theo quy định và nhận thẻ tín dụng của khách mang đến quầy thu ngân để nhân viên quầy thu ngân làm thủ tục thanh toán cho khách.

Khoảng giữa năm 2015, trong một lần ông H đến Nhà hàng SORA ăn uống sau đó ông thanh toán tiền bằng thẻ VISA. Lợi dụng lúc mang thẻ Visa đến quầy thu ngân để làm thủ tục thanh toán tiền, N đã dùng điện thoại di động của mình chụp lại hình ảnh thông tin hai mặt trước và sau của thẻ Visa số 4708 5890 0003 5021 mang tên H nên ông hoàn toàn không biết việc bị lấy cắp thông tin thẻ tín dụng của mình.

Qua tìm hiểu thông tin trên internet, N biết được chỉ cần các thông tin được in trực tiếp trên hai mặt của thẻ tín dụng Visa gồm: Họ tên chủ thẻ, số thẻ tín dụng, ngày hết hạn, mã số CVV (mã bảo mật dùng xác minh thẻ Visa) là có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán tiền mua các sản phẩm trực tuyến. N đã sử dụng máy tính Macbook Pro 8.2 của mình truy cập vào Website của các công ty: Công ty Cổ phần truyền thông HDC Việt Nam, công ty cổ phần Zion, công ty cổ phần xe khách Phương Trang, Công ty Cổ phần Công nghệ Sen đỏ, Công ty TNHH Uber Việt Nam, công ty TNHH Microsoft Việt Nam, công ty cổ phần E.KI.M, công ty Cổ phần Azmedia Việt Nam để xem thông tin cụ thể của từng sản phẩm được đăng tài trên website của các công ty này. Sau đó, N lựa chọn sản phẩm mua thêm vào giỏ hàng đồng thời N sử dụng thông tin thẻ Visa, dùng số điện thoại 0912.801.252 và một trong các email: voshivukiwada1977@gmail.ocm; hoangtulinhyeu811@gmail.com; ntktrang228@gmail.com; alwaysmile811@gmail.com do Nhã đăng ký, đăng nhập vào cổng thông tin của từng Công ty trên để thanh toán các đơn hàng, nhằm chiếm đoạt tiền trong thẻ Visa của ông H.

Ngoài ra, N khai còn sử dụng email địa chỉ ptktrang228@gmail.com của bạn gái N là Phạm Thị Kiều T1 và tài khoản số 0111000157178 do Phạm Thị Kiều T1 đứng tên, mở ngày 05/5/2011 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Cần Thơ đưa cho N quản lý, sử dụng đăng ký trên trang mạng banthe247.com, địa chỉ: Trung tâm mua sắm Hòa Bình Plaza, Lô 22, Ngã 6, phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai để tiếp nhận số tiền 336.780.800 đồng từ việc bán lại các thẻ card điện thoại, thẻ GATE, thẻ ZING do N mua được từ số tiền chiếm đoạt trong thẻ của ông H. Số tiền bán được N đầu tư chơi tiền ảo Bitcoin trên trang mạng btc-e.com. Đến khoảng tháng 4/2017, trang mạng này bị gỡ bỏ nên N mất hết số tiền đầu tư. Còn lại các thẻ GATE, thẻ ZING trị giá 361.000.000 đồn, do không bán được N dùng nạp vào tài khoản trò chơi điện tử Võ Lâm Truyền Kỳ. Quá trình chơi do phải nâng cấp nhân vật, bán các vật phẩm và không ai mua nên bị mất tiền. Đến khoảng tháng 3/2017, Nhã bán vật phẩm, nhân vật trong game thu được khoảng 15 đến 17 triệu đồng tiêu xài hết vào mục đích cá nhân và ngừng chơi game.

- Xác minh tại Ngân hàng Vietcombank Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ, được biết: Tài khoản Ngân hàng số 0111000157178 là do Phạm Thị Kiều T1, sinh năm 1988, CMND số: 363514931, HKTT: xã TP, PH, Hậu Giang do T1 mở ngày 05/5/2011 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Cần Thơ. Trong khoảng thời gian từ ngày 18/12/2015 đến ngày 26/10/2016 có nhiều giao dịch mua "kv" (một loại tiền trong game Võ Lâm Truyền Kỳ"; Thời gian từ ngày 28/01/2016 đến ngày 15/10/2016, tài khoản Ngân hàng có 27 giao dịch nhận được tổng số tiền là: 336.780.880 đồng từ trang bán thẻ cào banthe247.com với email giao dịch ptktrang228@gmail.com;

- Xác minh tại Công ty TNHH Uber Việt Nam, địa chỉ: Số 02, Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Hàng Đức N đã sử dụng thông tin thẻ Visa số 4708 5890 0003 5021 đánh cắp được của ông H thực hiện thành công 27 giao dịch trực truyến thanh toán tiền cước phí vận chuyển khi sử dụng dịch vụ xe Uber để đi lại, chiếm đoạt tổng cộng 6.241.000 đồng.

- Xác minh tại Công ty Cổ phần xe khách Phương Trang, địa chỉ: Số 80 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện thành công 09 giao dịch online thanh toán tiền mua vé xe khách, chiếm đoạt số tiền 1.925.000 đồng trong thẻ Visa của ông H.

- Xác minh tại Công ty cổ phần Công nghệ Sen đỏ, địa chỉ: Tòa nhà FPT Tân Thuận, Lô 29B-31B-33B, đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Website: https://www.sendo.vn thực hiện thành công 08 giao dịch trực tuyến thanh toán tiền mua thẻ card điện thoại và thẻ gate để nạp vào game chiếm đoạt tổng số tiền 29.632.259 đồng.

- Xác minh tại Công ty Cổ phần ZION, địa chỉ: Số 52, Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhã đã sử dụng thông tin thẻ Visa thực hiện thành công 41 giao dịch trực tuyến thanh toán các đơn hàng chiếm đoạt tổng cộng 6.781.100 đồng.

- Xác minh tại Công ty cổ phần VNG, địa chỉ: Số 182 đường Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhã thực hiện thành công 05 giao dịch trực tuyến thanh toán tiền mua các vé xem phim tại Rạp chiếu phim Galaxy Nguyễn Du, địa chỉ: Số 116 đường Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm đoạt tổng cộng: 1.157.000 đồng.

- Xác minh tại Công ty Cổ phần truyền thông HDC Việt Nam, địa chỉ: Tầng nhà Intracom, Nguyễn Phong Sắc, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Nhã thực hiện thành công 107 giao dịch trực tuyến mua các thẻ card điện thoại và các thẻ game, bao gồm: 300 giao dịch mua thẻ ZING, 577 giao dịch mua thẻ GATE, 62 giao dịch mua thẻ VMS, 140 giao dịch mua thẻ VNM, 121 giao dịch mua thẻ VTT, 40 giao dịch mua thẻ VNP, 19 giao dịch mua thẻ VIETTEL, 19 giao dịch mua thẻ VINAPHONE, 16 giao dịch mua thẻ MOBIPHONE, 07 giao dịch mua thẻ VIETNAMMOBILE, chiếm đoạt tổng số tiền là: 724.449.381 đồng trong thẻ Visa của ông H.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hàng Đức N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, N khai do cần tiền để tiêu xài và nạp vào các tài khoản game online nên N nảy sinh ý định đánh cắp thông tin thẻ Visa của ông H. Sau đó, N đã sử dụng thông tin thẻ Visa truy cập vào các Website của Công ty để mua bán các hàng hóa online, chiếm đoạt tổng cộng 842.239.003 đồng và 171,8484 USD trong thẻ Visa của ông H.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị Kiều T1 khai: T1 sống chung như vợ chồng với Nguyễn Hàng Đức N tại địa chỉ số: đường XV, Phường G, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây T1 có lập và sử dụng email: ptktrang228@gmail.com để sử dụng cho bản thân. Đến khoảng đầu năm 2014, sau khi quen N thì T1 không còn sử dụng email này mà đưa cho N quản lý và sử dụng cho đến khi bị bắt. Ngoài ra, T1 còn biết N sử dụng số điện thoại 0912.801.252, 0922.919.593; email: hoangtutinhyeu811@gmail.com và tài khoản của T1 cho N mượn số 0111000157178 mang tên Phạm Thị Kiều T1, mở ngày 05/5/2011 tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Cần Thơ để kinh doanh trực tuyến trên mạng. Trong thời gian T1 cho N mượn thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank thì cũng có nhiều lần T1 trực tiếp sử dụng thẻ ATM để rút tiền do người thân ở Hàn Quốc gửi về nhờ T1 rút và chuyển cho gia đình nhưng T1 không xác định được chính xác giao dịch nào là T1 rút tiền cho gia đình và giao dịch nào là rút tiền giúp N. Những lần rút tiền như vậy N nói là tiền kinh doanh và chơi game trên mạng. Việc N chiếm đoạt tiền trong thẻ Visa số 4708.5890.0003.5021 của ông H, mở tại Ngân hàng The Tokyo Higashi Shinkin Bank, Nhật Bản thì Trang không biết. Lời khai của T1 phù hợp với lời khai của N. Quá trình điều tra, không có căn cứ để chứng minh T1 đồng phạm với N nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T1 là có cơ sở.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu vàng hồng gắn sim số 0922919593; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng; 01 thẻ sim điện thoại di động mạng Vinaphone số thuê bao 0912.801.252; 01 thẻ sim điện thoại di động mạng Vietnamobile không xác định được số.

- 01 máy tính xách tay hiệu Macbook Pro 8.2; 01 USB hiệu Sandisk loại 8GB; 01 USB hiệu Apacer màu trắng không rõ dung lượng; 01 thẻ nhớ Micro SD hiệu SanDisk 02 GB.

- 01 thẻ ATM NH Vietcombank số thẻ 9704.366.805.320951021 tên PHAM THI KIEU TRANG; 01 thẻ G-Star GALAXY CINEMA; 01 thẻ thành viên AEON và 04 đồng hồ đeo tay.

Tất cả số tang vật nêu trên được chứa trong 01 thùng Carton có chữ ký niêm phong của Nguyễn Hàng Đức N ngày 06/3/2018, hiện đang được bảo quản và quản lý theo quy định tại kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát THAHS và HTTP (PC81) Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An có chuyển số tiền: 153.300.000 đồng và 500 USD vào tài khoản số: 394.990.587.78 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng Công an Thành phố Hồ Chí Minh, mở tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: 500 USD và 62.500.000 đồng là tiền thu giữ khi khám xét, 800.000 đồng là tiền thu giữ khi Nhã bị bắt và 90.000.000 đồng là tiền Nguyễn Hàng Anh T2 (chị ruột của N) tự nguyện nộp để trả lại cho ông H, khắc phục hậu quả do N gây ra.

Ngày 12/12/2017, Nguyễn Hàng Anh T2 tiếp tục nộp số tiền: 85.000.000 đồng để thay N khắc phục hậu quả cho ông H.

Tại Bản cáo trạng số 285/CT-VKS- P3 ngày 10/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hàng Đức N về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh qua quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa đã xác định số tiền bị cáo N chiếm đoạt của bị hại là 770.203.067 đồng và 171,84 USD, đồng thời sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án, những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đã đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hàng Đức N từ 08 đến 10 năm tù.

Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N trình bày quan điểm: Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát cũng đã áp dụng nguyên tắc có lợi và xem xét lại số tiền mà bị cáo chiếm đoạt. Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tích cực khắc phục hậu quả nên xin Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng cho bị cáo sớm trở về sum họp với gia đình.

Bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi,

quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo Nguyễn Hàng Đức N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo N xin xem xét lại tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là khoảng 770 triệu và 171,84 USD bởi lẽ có một số giao dịch rút tiền ở nước ngoài không do bị cáo thực hiện.

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án xét đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: vì lòng tham bị cáo N đã lợi dụng việc khách hàng là ông H đưa thẻ tín dụng để thanh toán hóa đơn tại Nhà hàng SORA, N đã sử dụng điện thoại của mình chụp lại 02 mặt thẻ tín dụng (thẻ Visa) nhằm lấy cắp thông tin trên thẻ, sau đó từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2016 bị cáo N sử dụng những thông tin này để thực hiện các giao dịch thanh toán trực tuyến, chiếm đoạt tiền trong thẻ Visa của ông H tiêu xài cho bản thân, cụ thể quá trình xét hỏi công khai làm rõ tại phiên tòa bị cáo đã chiếm đoạt là 770.203.067 đồng và 171,84 USD.

Với hành vi như đã nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 226b Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và trên nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo vì lòng tham đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội tại địa phương, làm xấu đi hình ảnh của người dân Việt Nam đối với người nước ngoài khi đến Việt Nam. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Căn cứ vào tài sản bị cáo chiếm đoạt cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Khi lượng hình cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường một phần thiệt hại cho phía người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, ông Võ Thành Đ là đại diện theo ủy quyền của ông H yêu cầu bị cáo N bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của ông H sau khi đã được kiểm tra làm rõ là 770.203.003 đồng và 171,84 USD. Do đó, buộc bị cáo N bồi thường cho người bị hại ông H toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, phía gia đình bị cáo N đã bồi thường, khắc phục cho bị hại một phần là số tiền 175.000.000 đồng nên ghi nhận và chuyển lại số tiền này cho người bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng hồng; 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen; 01 máy tính xách tay hiệu Macbook Pro 8.2 có số seri: CO2FRDMYDF8V, của bị cáo N, là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng; 01 điện thoại di động Mobistar màu đen là của bà Phạm Thị Kiều T1, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bà Phạm Thị Kiều T1.

- Đối với 01 USB hiệu Sandisk loại 8G, 01 thẻ nhớ Micro SD hiệu SanDisk 02GB; 01 USB hiệu Apacer màu trắng không rõ dung lượng; 01 thẻ sim điện thoại di động mạng Vinaphone số thuê bao 0912801252; 01 thẻ sim điện thoại di động mạng Vietnamobile không xác định số; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên PHAM THI KIEU T1; 01 thẻ G-Star GALAXY CINEMA, mã vạch: 1001318336; 01 thẻ thành viên AEON, mã vạch: 10011350880000, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 đồng hồ đeo tay hiệu TISSOT 1853; 01 đồng hồ đeo tay hiệu SEIKO có số 361740, là của bị cáo N, cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 đồng hồ đeo tay không rõ hiệu, thân đồng hồ bằng kim loại màu vàng có chữ STAINLESS STEEL BACK; 01 đồng hồ đeo tay hiệu SEIKO, là của bà Nguyễn Hàng Anh T2, cần trả lại cho bà Nguyễn Hàng Anh T2.

- Đối với số tiền 63.300.000 đồng và 500 USD thu giữ của bị cáo N, qua kiểm tra là tiền cá nhân của bị cáo N. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tự nguyện nộp số tiền này để bồi thường cho người bị hại nên ghi nhận và sẽ được giao trả cho người bị hại.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 34.808.120 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hàng Đức N phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hàng Đức N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2017.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Hàng Đức N bồi thường cho ông H tổng số tiền 770.203.003 đồng và 171,84 USD.

Giao trả cho bị hại ông H số tiền 175.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Nguyễn Hàng Đức N đã nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 23/11/2017 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12/12/2017)

Giao trả cho bị hại ông H số tiền 63.300.000 đồng và 500 USD (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 23/11/2017 và Giấy chứng nhận nộp tiền ngày 21/12/2017).

Tất cả các khoản tiền giao trả sẽ được cấn trừ vào số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Trả lại cho Nguyễn Hàng Đức N:

- 01 đồng hồ đeo tay hiệu TISSOT 1853;

- 01 đồng hồ đeo tay hiệu SEIKO có số 361740;

Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Hàng Anh T2:

- 01 đồng hồ đeo tay không rõ hiệu, thân đồng hồ bằng kim loại màu vàng có chữ STAINLESS STEEL BACK;

- 01 đồng hồ đeo tay hiệu SEIKO

+ Tịch thu sung quỹ:

- 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng hồng;

- 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen;

- 01 máy tính xách tay hiệu Macbook Pro 8.2 có số seri: CO2FRDMYDF8V

+ Trả lại cho bà Phạm Thị Kiều T1:

- 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng

- 01 điện thoại di động Mobistar màu đen

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 USB hiệu Sandisk loại 8G,

- 01 thẻ nhớ Micro SD hiệu SanDisk 02GB;

- 01 USB hiệu Apacer màu trắng không rõ dung lượng

- 01 thẻ sim điện thoại di động mạng Vinaphone số thuê bao 0912801252; 01 thẻ sim điện thoại di động mạng Vietnamobile không xác định số; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên PHAM THI KIEU T1; 01 thẻ G-Star GALAXY CINEMA, mã vạch: 1001318336; 01 thẻ thành viên AEON, mã vạch: 10011350880000

Tất cả được đựng trong 01 (một) thùng các – tông có chữ ký niêm phong của Nguyễn Hàng Đức N ngày 06/3/2018.

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 330/18 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 34.808.120 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Người bị hại; (1)
- Đại diện bị hại; (1)
- Người có QLNVLQ; (2)
- THAHS TAND TP.HCM; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Việt Tiên